CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Lọc - Hóa dầu Bình Sơn

Ngày 31/12/2025	16,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.2%	**-1.5%**	**42.5%**

DT thuần
Q4/25
37,621
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2,331| 6.6%
YoY: ▲ 1,653| 4.6%

LN thuần
Q4/25
3,438
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2,381| 225%
YoY: ▲ 3,548| 3225%

LN sau thuế
Q4/25
3,035
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2,126| 234%
YoY: ▲ 3,124| 3506%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
4.4%
YoY: +/-▲ 3.6%

ROE
2025
8.9%
YoY: +/-▲ 7.8%

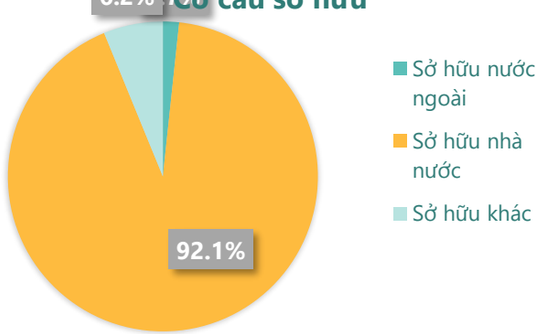
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	80,618
Số lượng CPLH (CP)	5,007,299,686
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,073,450
Sở hữu nước ngoài	1.7%
Beta	1.19
EPS	1,036
P/E	15.5

DT thuần
2025
141,578
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18,551| 15.1%

LN thuần
2025
5,917
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5,209| 736%

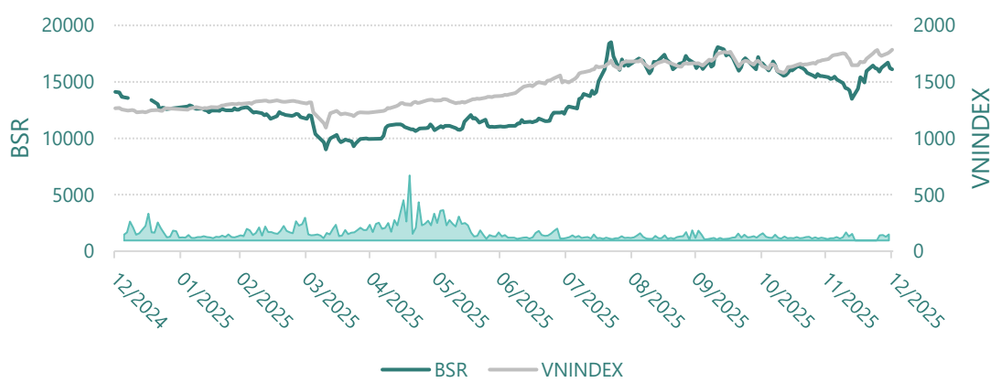
LN sau thuế
2025
5,189
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4,598| 778%

Cơ cấu sở hữu

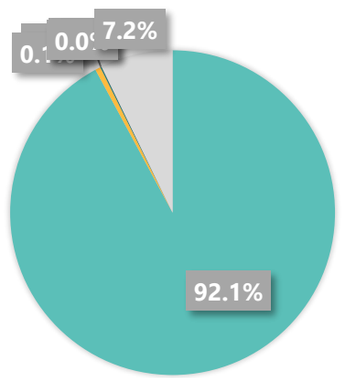


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

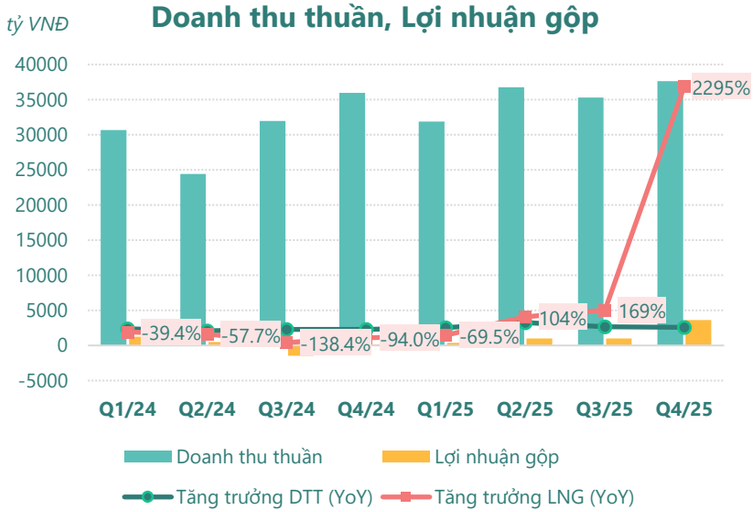


- Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc Gia Việt Nam
- KIM Vietnam Growth Equity Fund
- KITMC Worldwide Vietnam RSP Balanced Fund
- KITMC Worldwide Vietnam Fund 2
- Bùi Minh Tiến
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

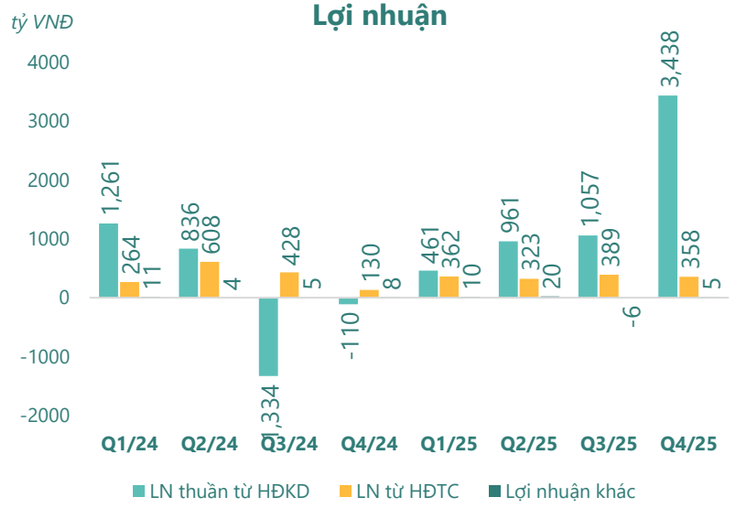
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



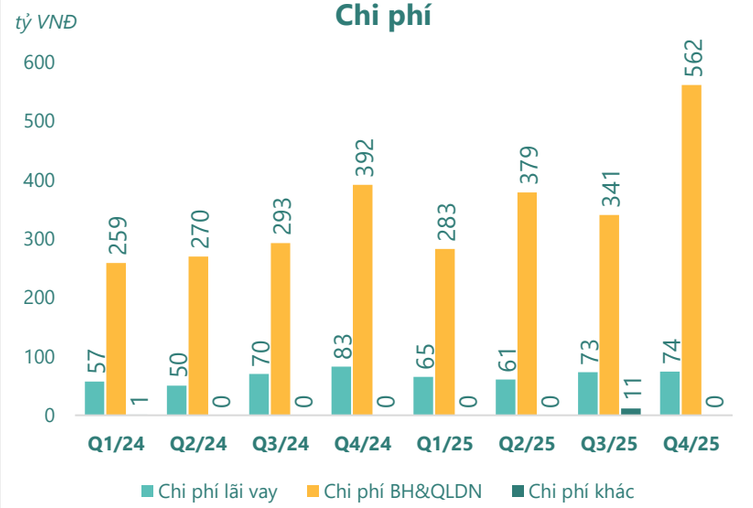
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



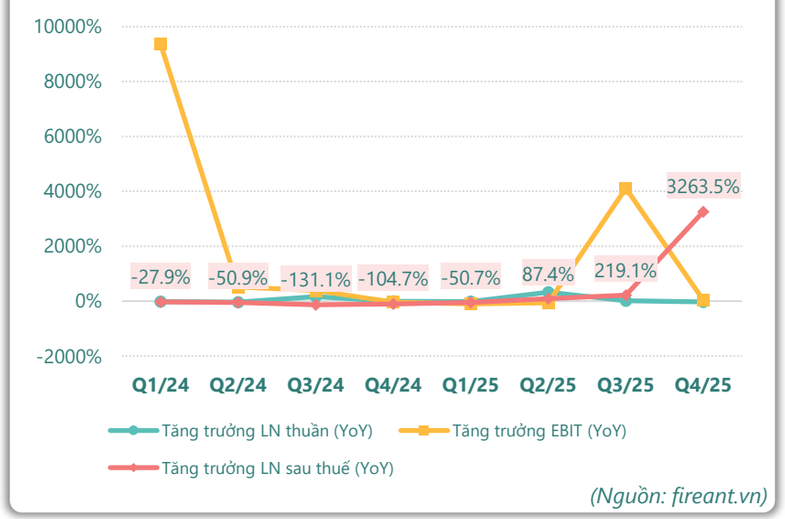
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



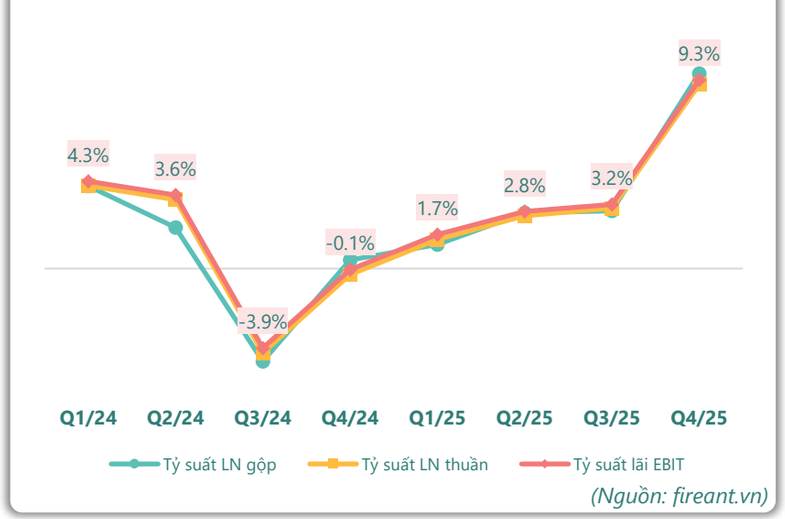
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



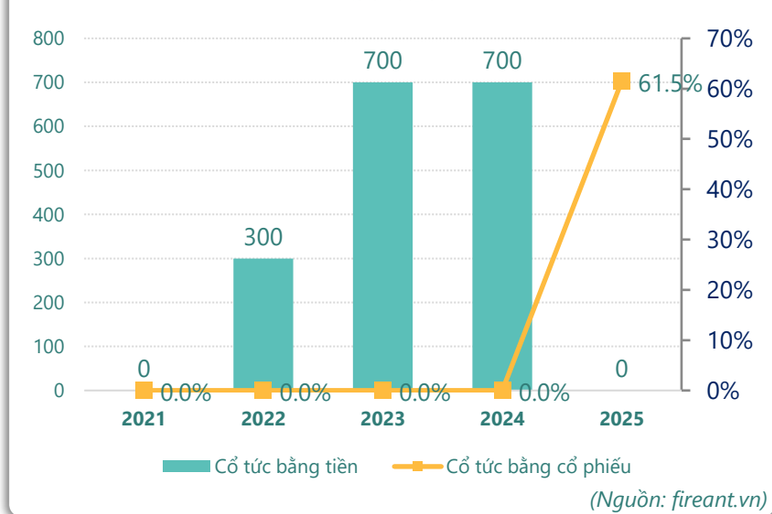
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

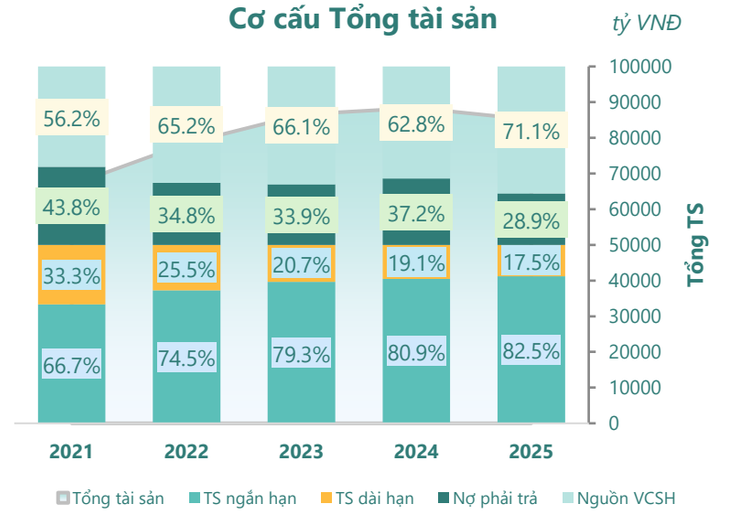
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

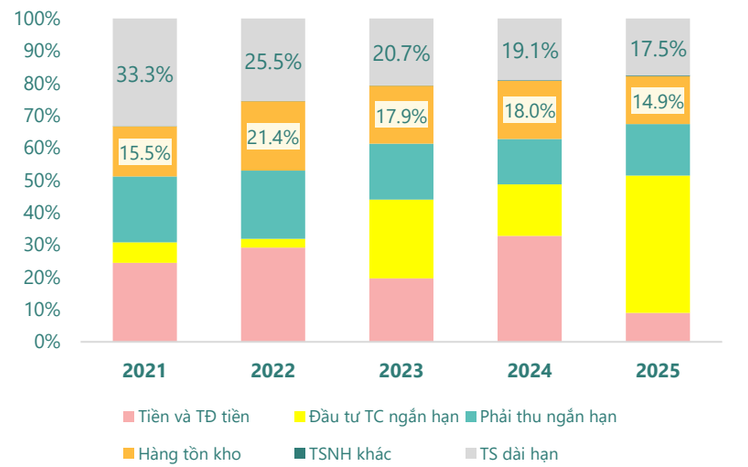
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



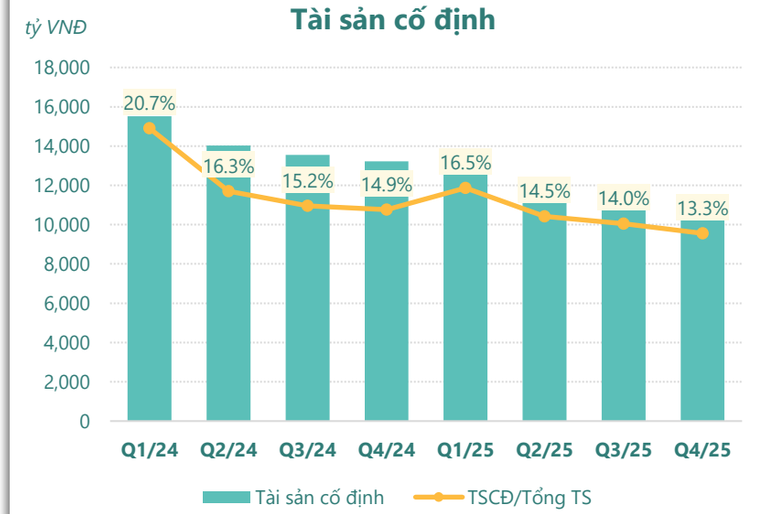
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



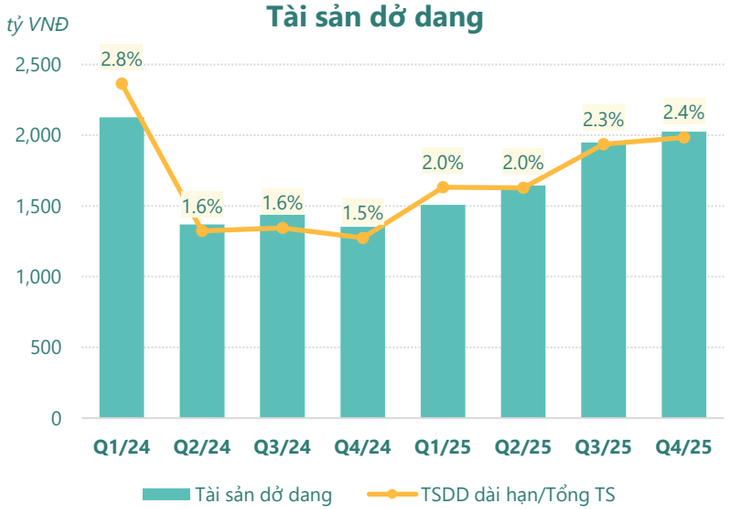
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



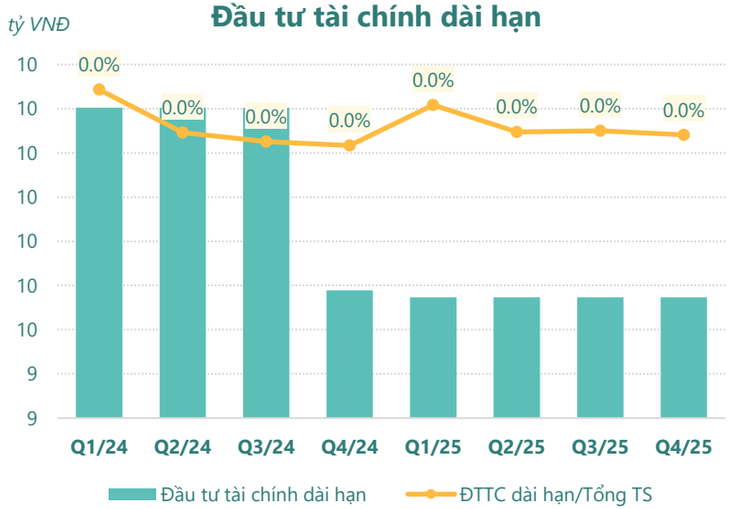
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



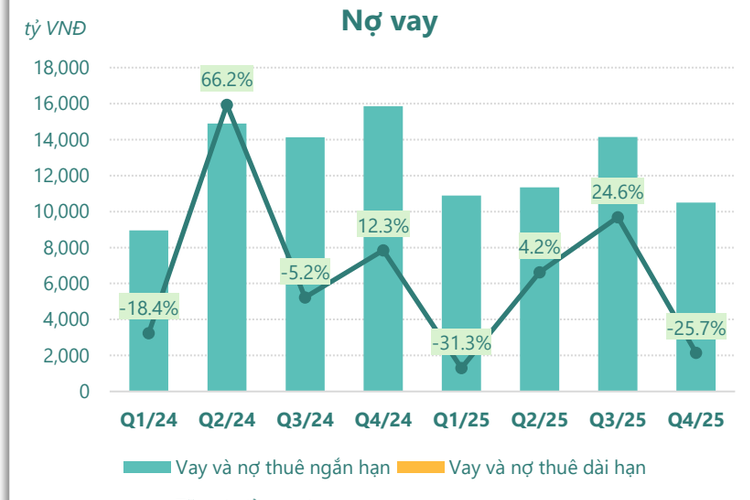
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

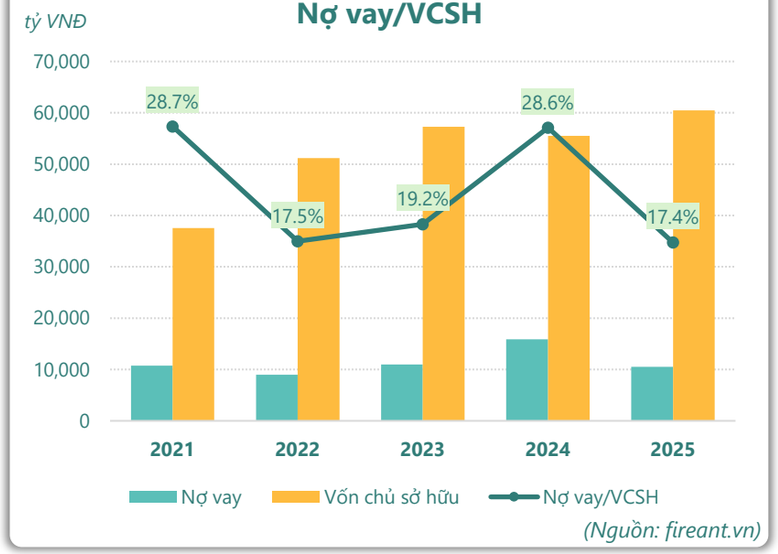
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

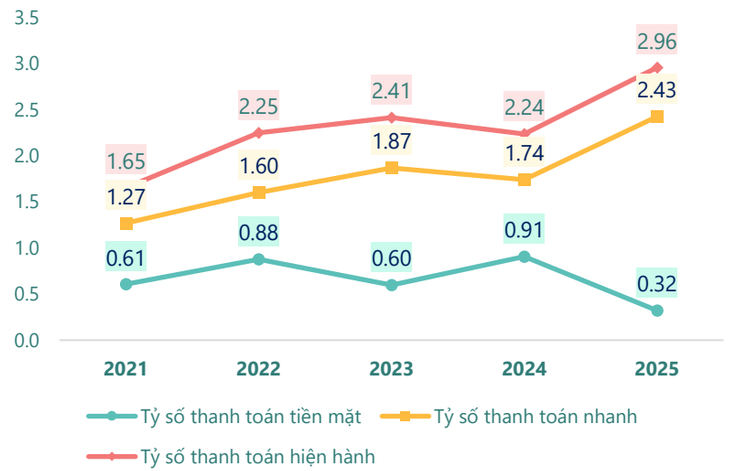
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



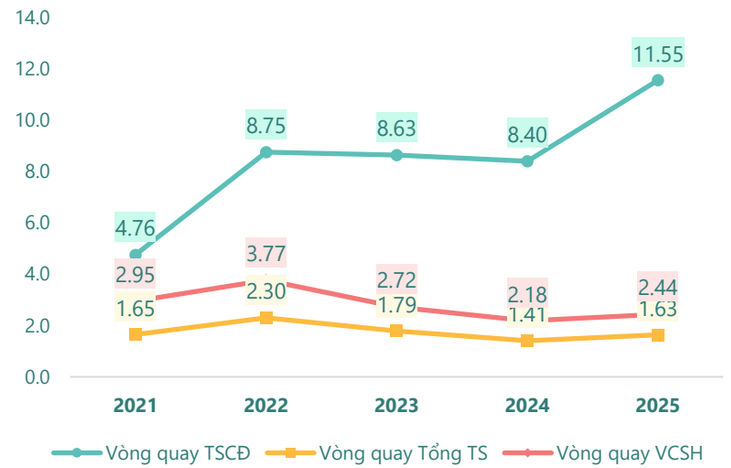
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



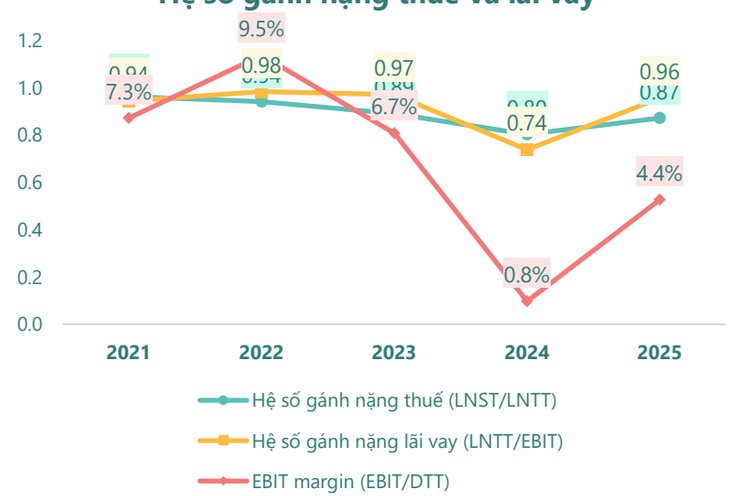
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



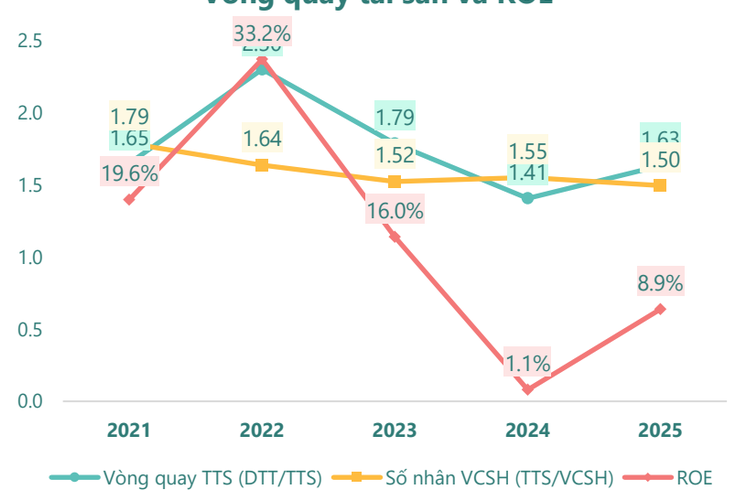
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



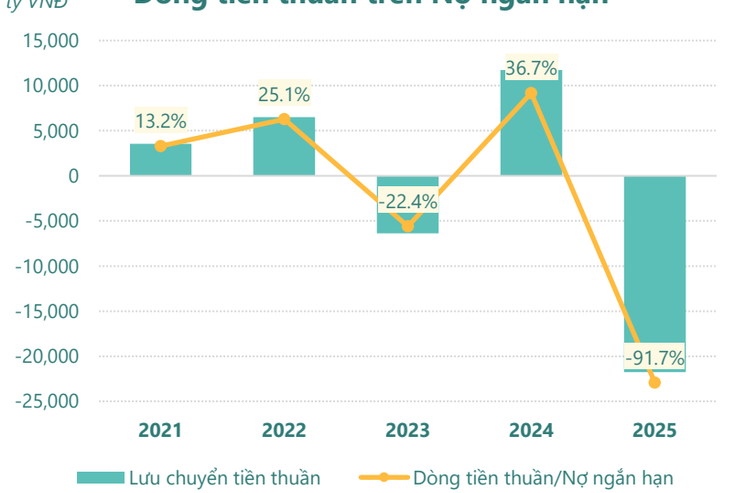
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**37,621**	**35,968**	**4.6%**	**141,578**	**123,027**	**15.1%**
Giá vốn hàng bán	33,980	35,816	-5.1%	135,530	122,536	10.6%
Lợi nhuận gộp	3,641	152	2296%	6,049	491	1132%
Doanh thu HĐTC	451	410	9.9%	1,913	2,230	-14.2%
Chi phí TC	92.5	280	-67.0%	481	800	-39.9%
Chi phí lãi vay	74.3	82.8	-10.3%	274	261	4.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	282	214	31.7%	823	652	26.1%
Chi phí QLDN	**280**	**177**	**58.2%**	**742**	**561**	**32.1%**
LN thuần từ HĐKD	3,438	-110	3225%	5,917	708	736%
Lợi nhuận khác	**5.48**	**7.94**	**-31.0%**	**30.3**	**27.9**	**8.6%**
LN trước thuế	3,443	-102	3476%	5,947	736	708%
Lợi nhuận sau thuế	**3,035**	**-89.1**	**3506%**	**5,189**	**591**	**778%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3,034**	**-89.8**	**3479%**	**5,186**	**631**	**722%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4,681	-947	-1,160	4,168	-2,741	4,990
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	16.0	193	2,756	-13,252	-6,379	-4,775
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-770	-427	-4,970	460	2,779	-3,633
Tiền đầu kỳ	26,142	30,159	28,995	25,745	17,233	11,010
Lưu chuyển tiền thuần	**3,927**	**-1,181**	**-3,374**	**-8,624**	**-6,342**	**-3,419**
Ảnh hưởng tỷ giá	90.6	16.6	124	113	118	34.7
Tiền cuối kỳ	30,159	28,995	25,745	17,233	11,010	7,626

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**85,069**	**88,387**	**-3.8%**
Tài sản ngắn hạn	70,173	71,516	-1.9%
Tiền và tương đương tiền	7,626	28,995	-73.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36,136	14,022	158%
Phải thu ngắn hạn	13,504	12,457	8.4%
Hàng tồn kho	12,635	15,891	-20.5%
Tài sản ngắn hạn khác	273	150	81.2%
Tài sản dài hạn	**14,896**	**16,871**	**-11.7%**
Phải thu dài hạn	548	549	-0.1%
Tài sản cố định	11,292	13,216	-14.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2,026	1,352	49.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	9.54	9.54	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1,020**	**1,745**	**-41.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	24,583	32,849	-25.2%
Nợ ngắn hạn	**23,727**	**31,984**	**-25.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10,504	15,857	-33.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	11,291	14,473	-22.0%
Nợ dài hạn	856	865	-1.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**60,485**	**55,538**	**8.9%**
Vốn chủ sở hữu	**60,485**	**55,538**	**8.9%**
Vốn điều lệ	50,073	31,005	61.5%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)